

Số: 81 /TB-UBND

Quảng Trạch, ngày 25 tháng 6 năm 2019

THÔNG BÁO

**Kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo
huyện Quảng Trạch năm 2019**

Kính gửi: Ông (bà)

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04/07/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND huyện Quảng Trạch về việc ban hành Kế hoạch xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2019; Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện về việc phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2019. UBND huyện thông báo công nhận kết quả trúng tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch năm 2019. Yêu cầu các thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển đến phòng Nội vụ huyện Quảng Trạch để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên theo yêu cầu của vị trí xét tuyển để hoàn thiện hồ sơ dự tuyển theo quy định. Thời gian: Từ ngày 03 đến ngày 05 tháng 7 năm 2019.

Thông báo, danh sách trúng tuyển của các thí sinh được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện Quảng Trạch (địa chỉ truy cập: <http://quangtrach.quangbinh.gov.vn>) và được niêm yết công khai tại phòng Nội vụ huyện.

UBND huyện thông báo để các thí sinh có tên trong danh sách được biết và thực hiện theo đúng quy định. /cc/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ; (để BC)
- CT các PCT UBND huyện;
- Hội đồng xét tuyển;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện; (đăng Website)
- Phòng Nội vụ; (Niêm yết công khai)
- Lưu: VT, NV, HĐXT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đạt

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019
(Kèm theo Thông báo số: 81 /TB-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Số báo danh	Phòng phỏng vấn số	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Mã số đăng ký dự tuyển	Điều kiện về trình độ chia theo tiêu chuẩn ngạch dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
							Trình độ, Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Điều kiện khác					
								Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học						
I															
Khởi Mầm non															
1	93	05	Trần Thị Oanh	06/05/1994	Quảng Tiến, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		Con Thương binh	95.00	5.00	100.00	
2	26	02	Phạm Thị Thu Hà	25/10/1991	Cánh Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			98.00		98.00	
3	73	04	Cao Thị Lý	12/12/1994	Cánh Dương, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			98.00		98.00	
4	100	06	Phùng Thị Sen	15/06/1996	Quảng Thanh, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			98.00		98.00	
5	101	06	Trần Thị Sen	26/08/1994	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			98.00		98.00	
6	108	06	Võ Thị Thơm	26/07/1993	Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			98.00		98.00	
7	05	01	Trần Thị Thanh Chi	10/11/1994	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			97.50		97.50	
8	35	02	Trần Thị Thu Hằng	20/11/1993	Quảng Thạch, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B;A2	B			97.00		97.00	
9	122	07	Phạm Hồng Trang	20/02/1994	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			97.00		97.00	
10	132	07	Nguyễn Thu Trang	11/09/1994	Quảng Phương, Q.Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B1	B			97.00		97.00	
11	150	08	Trần Hải Yến	24/10/1995	Quảng Liên, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		Con Thương binh	91.50	5.00	96.50	

TT	Số báo danh	Phòng phỏng vấn số	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Mã số đăng ký dự tuyển	Điều kiện về trình độ chia theo tiêu chuẩn ngạch dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
							Trình độ, Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Điều kiện khác					
								Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học						
12	15	01	Nguyễn Hương Giang	15/10/1996	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		96.00		96.00		
13	80	05	Tường Thị Yến Nga	28/05/1989	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	A2	B		96.00		96.00		
14	87	05	Phạm Thị Thảo Nhi	05/04/1994	Cánh Dương, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		96.00		96.00		
15	90	05	Phan Thị Hồng Nhung	07/07/1993	Quảng Lưu, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		96.00		96.00		
16	102	06	Lê Thị Hà Sương	10/07/1994	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	ƯDCNTTCB		96.00		96.00		
17	117	07	Nguyễn Thị Thương	18/09/1995	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		96.00		96.00		
18	04	01	Lê Thị Vân Anh	16/10/1995	Quảng Hưng, Q.Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B1	ƯDCNTTCB		95.50		95.50		
19	13	01	Chu Thị Dương	18/08/1992	Quảng Phú, Q.Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		95.50		95.50		
20	138	08	Tường Thị Ngọc Trâm	05/10/1991	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		95.50		95.50		
21	111	06	Trần Thị Bích Thủy	15/06/1994	Phù Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	ƯDCNTTCB		95.00		95.00		
22	56	03	Nguyễn Thị Huyền	23/5/1996	Quảng Hợp, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		94.50		94.50		
23	59	04	Tường Thị Huyền	25/09/1994	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		94.50		94.50		
24	10	01	Trần Thùy Dung	06/07/1996	Quảng Phong, TX.Ba Đồn, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B		94.00		94.00		
25	67	04	Trần Thị Lan	27/12/1994	Quảng Đông, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	ƯDCNTTCB		94.00		94.00		
26	34	02	Hoàng Thị Thu Hằng	02/05/1993	Quảng Hợp, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	ƯDCNTTCB		93.50		93.50		
27	50	03	Võ Thị Thanh Hồng	18/05/1993	Quảng Đông, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	ƯDCNTTCB		93.50		93.50		

TT	Số báo danh	Phòng phỏng vấn số	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Mã số đăng ký dự tuyển	Điều kiện về trình độ chia theo tiêu chuẩn ngạch dự tuyển			Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Ghi chú	
							Trình độ, Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ							Điều kiện khác
								Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học						
28	129	07	Nguyễn Thị Trang	20/06/1993	Quảng Kim, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	ƯDCNTTCB			93.00		93.00	
29	43	03	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/05/1994	Châu Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			93.00		93.00	
30	131	07	Võ Thị Trang	13/08/1991	Quảng Đông, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			93.00		93.00	
31	61	04	Nguyễn Thị Hương	12/06/1994	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	ƯDCNTTCB			92.00		92.00	
32	36	02	Nguyễn Thúy Hằng	08/09/1995	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-01	Cử nhân Giáo dục Mầm non	B	B			91.00		91.00	
33	103	06	Lê Phương Thảo	10/09/1995	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-02	Cao đẳng Giáo dục Mầm non	B	B			98.00		98.00	
34	105	06	Đặng Thị Thảo	16/06/1996	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-02	Cao đẳng Giáo dục Mầm non	B	B			96.00		96.00	
35	69	04	Nguyễn Thị Liễu	11/11/1995	Quảng Phương, Q.Trạch, Quảng Bình	MN-02	Cao đẳng Giáo dục Mầm non	B	B			95.50		95.50	
36	84	05	Nguyễn Thị Ngọc	25/07/1995	Quảng Lưu, Quảng Trạch, Quảng Bình	MN-02	Cao đẳng Giáo dục Mầm non	B	ƯDCNTTCB			94.00		94.00	
37	60	04	Nguyễn Thị Lan Hương	12/01/1994	Quảng Hợp, Q.Trạch, Quảng Bình	MN-02	Cao đẳng Giáo dục Mầm non	B	B			93.00		93.00	
II	Khối Tiểu học														
38	314	16	Trần Thị Lan	20/9/1989	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		Con của người HĐKC bị nhiễm CĐDC	98.00	5.00	103.00	
39	371	19	Nguyễn Quỳnh Trang Như	19/07/1996	Cánh Dương, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B1	ƯDCNTTCB		Con Thương binh	97.50	5.00	102.50	
40	315	16	Phan Thị Lành	14/08/1994	Quảng Thạch, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		Con Thương binh	96.50	5.00	101.50	
41	337	18	Nguyễn Thị Trà My	24/09/1996	Quảng Phúc, TX Ba Đồn, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B			99.00		99.00	
42	344	18	Tương Thị Nga	20/03/1993	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B			99.00		99.00	

TT	Số báo danh	Phòng phỏng vấn số	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Mã số đăng ký dự tuyển	Điều kiện về trình độ chia theo tiêu chuẩn ngạch dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
							Trình độ, Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Điều kiện khác					
								Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học						
43	345	18	Phạm Thị Thúy Nga	06/10/1995	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		99.00		99.00		
44	353	18	Nguyễn Thị Ngọc	13/06/1988	Quảng Thạch, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	Đại học		99.00		99.00		
45	238	13	Nguyễn Thị Thùy Dung	28/03/1995	Quảng Hòa, TX. Ba Đồn, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.50		98.50		
46	256	13	Trần Thị Hà	24/05/1993	Quảng Phương, Q.Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.50		98.50		
47	367	19	Phạm Thị Nhung	20/02/1993	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.50		98.50		
48	219	12	Hoàng Thị Ngọc Anh	09/05/1993	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		
49	230	12	Võ Thị Bông	01/01/1996	Quảng Minh, TX Ba Đồn, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		
50	250	13	Nguyễn Thị Hương Giang	10/02/1991	Quy Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		
51	292	15	Cao Thị Ánh Hồng	22/02/1995	Quảng Trường, Q.Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		
52	298	16	Nguyễn Thị Huân	15/08/1995	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		
53	301	16	Dương Thị Huyền	15/07/1994	Quảng Xuân, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		
54	302	16	Nguyễn Thị Huyền	26/02/1993	Quảng Hợp, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B	Chứng chỉ Đoàn, Hội, Đội	98.00		98.00		
55	309	16	Võ Thị Hương	28/09/1994	Quảng Lưu, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		
56	313	16	Phan Thị Lan	13/03/1996	Quảng Thạch, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		
57	343	18	Từ Thị Nga	06/01/1995	Quảng Kim, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	UDCNTTCB		98.00		98.00		
58	364	19	Hà Thị Nhung	07/01/1995	Mai Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B		98.00		98.00		

TT	Số báo danh	Phòng phỏng vấn số	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Mã số đăng ký dự tuyển	Điều kiện về trình độ chia theo tiêu chuẩn ngạch dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Ghi chú	
							Trình độ, Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Điều kiện khác						
								Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học							
59	398	21	Tường Thị Thùy	21/03/1995	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B				98.00		98.00	
60	404	21	Đặng Thị Thúy	01/08/1995	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B				98.00		98.00	
61	417	22	Trịnh Thị Ngọc Trâm	10/06/1996	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B				98.00		98.00	
62	303	16	Võ Thị Huyền	10/11/1995	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B				97.50		97.50	
63	332	17	Đàm Thị Mai	07/09/1993	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	ƯDCNTTCB				97.50		97.50	
64	258	14	Đàm Thị Thu Hà	07/07/1994	Quảng Châu, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	B				97.00		97.00	
65	341	18	Tường Phương Nam	22/11/1996	Quảng Kim, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-02	Cao đẳng Giáo dục Tiểu học	B	B				99.00		99.00	
66	304	16	Võ Thị Huyền	16/08/1997	Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-02	Cao đẳng Giáo dục Tiểu học	B	B				98.00		98.00	
67	340	18	Trần Phương Nam	16/08/1993	Quảng Tiên, TX.Ba Đồn, Quảng Bình	TH-03	Đại học Giáo dục Thể chất	B	B				99.00		99.00	
68	316	16	Nguyễn Việt Lâm	03/06/1993	Kim Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	TH-03	Đại học Giáo dục Thể chất	B	B	Chứng chỉ nghiệp vụ SP			98.00		98.00	
69	231	12	Phạm Đức Cảnh	23/04/1991	Quảng Hợp, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-03	Đại học Giáo dục Thể chất	B	B				95.00		95.00	
70	241	13	Trần Anh Duy	17/07/1990	Cảnh Dương, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-04	Đại học SP TĐTT ngành GDTC	B	B				71.00		71.00	
71	277	15	Trần Thị Hiền	12/04/1991	Quảng Phương, Q.Trạch, Quảng Bình	TH-06	Cao đẳng Sư phạm Âm nhạc	B	ƯDCNTTCB				90.50		90.50	
72	234	12	Võ Văn Chính	10/02/1990	Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-07	Đại học Giáo dục Thể chất	C	B	CC Đoàn, Hội, Đội; CC NVSP			91.00		91.00	
73	428	22	Võ Thị Bích Vân	06/06/1990	Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	TH-08	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	B	Đại học	CC Đoàn, Hội, Đội; CC NVSP			97.50		97.50	
74	436	22	Nguyễn Thị Nga	22/02/1981	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	KT-01	Cử nhân Kế toán	B	B				91.00		91.00	

TT	Số báo danh	Phòng phỏng vấn số	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Mã số đăng ký dự tuyển	Điều kiện về trình độ chia theo tiêu chuẩn ngạch dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn (thang điểm 100)	Điểm ưu tiên	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
							Trình độ, Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ		Điều kiện khác					
								Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học						
III															
Khối Trung học cơ sở															
75	211	11	Trần Thị Lệ Tuyên	15/07/1996	Quảng Phương, Q.Trạch, Quảng Bình	CS-01	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	B1	UDCNTTCB			100.00		100.00	
76	158	09	Lê Thị Minh Hằng	28/02/1992	An Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	CS-01	Cử nhân Văn học	B	B	Chứng chỉ nghiệp vụ SP		98.50		98.50	
77	205	11	Hoàng Yến Thương	08/05/1992	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	CS-02	Cao đẳng SP Toán - Lý	B	B			81.00		81.00	
78	163	09	Trần Thị Huyền	08/03/1993	Quảng Thạch, Q.Trạch, Quảng Bình	CS-03	CĐSP Hóa - Kỹ thuật Nông nghiệp	B	B			97.50		97.50	
79	172	09	Cao Thị Mỹ Linh	27/10/1995	Phù Hóa - Quảng Trạch, Quảng Bình	CS-04	Cử nhân Sư phạm Toán	B	UDCNTTCB		Con Thương binh	97.00	5.00	102.00	
80	212	11	Đậu Hồng Vân	10/11/1994	Quảng Thạch, Q.Trạch, Quảng Bình	CS-04	Cử nhân Sư phạm Toán	C	B			99.50		99.50	
81	154	09	Nguyễn Thị Diệp	20/09/1993	Quảng Tùng, Quảng Trạch, Quảng Bình	CS-04	Cử nhân Sư phạm Toán	B	B			99.00		99.00	

Danh sách này gồm có 81 thí sinh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đạt